|  |  |
| --- | --- |
| **Trường:...................****Tổ:............................** | Họ và tên giáo viên:…………………… |

## **TÊN BÀI DẠY: BÀI TẬP CUỐI CHƯƠNG VI**

Môn học/Hoạt động giáo dục: Toán; lớp: 7

Thời gian thực hiện: 1 tiết

**I.** **MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức:**Học ôn tập, củng cố lại:

* Tỉ lệ thức.
* Tính chất của dãy tỉ số bằng nhau.
* Đại lượng tỉ lệ thuận.
* Đại lượng tỉ lệ nghịch.

**2. Năng lực**

 ***- Năng lực chung:***

* Năng lực tự chủ và tự học trong tìm tòi khám phá
* Năng lực giao tiếp và hợp tác trong trình bày, thảo luận và làm việc nhóm
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo trong thực hành, vận dụng.

**Năng lực riêng:**

* Tư duy và lập luận toán học: Rèn kỹ năng lập các tỉ lệ thức từ một đẳng thức cho trước; nhận biết các đại lượng tỉ lệ thuận và các đại lượng tỉ lệ nghịchtừ đó có thể áp dụng kiến thức đã học để giải quyết các bài toán.
* Vận dụng được tính chất của dãy tỉ số bằng nhau để giải bài toán tìm các đại lượng chưa biết; tính chất đại lượng tỉ lệ thuận, tỉ lệ nghịch trong giải toán.
* Áp dụng các kiến thức đã học để giải được một số bài toán có nội dung thực tiễn liên quan đến đại lượng tỉ lệ thuận, tỉ lệ nghịch .

**3. Phẩm chất**

* Cóý thức học tập, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo, có ý thức làm việc nhóm, tôn trọng ý kiến các thành viên khi hợp tác.
* Chăm chỉ tích cực xây dựng bài, có trách nhiệm, chủ động chiếm lĩnh kiến thức theo sự hướng dẫn của GV.
* Hình thành tư duy logic, lập luận chặt chẽ, và linh hoạt trong quá trình suy nghĩ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với GV:** SGK, Tài liệu giảng dạy, giáo án PPT, sơ đồ tư duy về kiến thức trong chương VI.

**2. Đối với HS**: SGK, SBT, vở ghi, giấy nháp, đồ dùng học tập (bút, thước...), bảng nhóm, bút viết bảng nhóm, sơ đồ tư duy về các kiến thức trong chương đã được chuẩn bị ở nhà.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:**

- HS nhớ lại kiến thức của chương.

**b) Nội dung:** HS đọc tình huống mở đầu, suy nghĩ trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm:** HS trả lời được các câu hỏi về

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV đưa câu hỏi: *“Chương VI chúng ta học nội dung chủ yếu nào?”*

* (Chúng ta học về tỉ lệ Tỉ lệ thức, tính chất của dãy tỉ số bằng nhau, đại lượng tỉ lệ thuận, đại lượng tỉ lệ nghịch.)

- GV cho HS trả lời các câu hỏi nhanh.

**Câu 1:** Hai tỉ số $\frac{6}{9}$ và $\frac{0,8}{1,2}$ có lập thành một tỉ lệ thức không?

**Câu 2:** Tỉ lệ thức $\frac{2}{3}=\frac{6}{9}$ cùng với tỉ số nào sau đây lập thành dãy tỉ số bằng nhau:

A. $\frac{2}{6}$ . B. $\frac{12}{27}$ . C. $\frac{9}{3}$ . D.$\frac{8}{12}$ .

**Câu 3:** Chu vi hình vuông tỉ lệ thuận với độ dài cạnh hình vuông, có hệ số tỉ lệ là

A. 2 B. 3 C. 4 D. 5

**Câu 4:** Hai đại lượng x và y tỉ lệ nghịch với nhau theo hệ số tỉ lệ là 12, thì công thức nào sau đây biểu thị liên hệ đó?

A. x + y = 12 B. x – y = 12 C. $\frac{x}{y}=12$ D. $y=\frac{12}{x}$

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS quan sát và chú ý lắng nghe, thảo luận nhóm đôi hoàn thành yêu cầu.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS.

**Đáp án:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Câu1 | Câu2 | Câu3 | Câu4 |
| Có thể lập thành tỉ lệ thức | D | C | D |

- GV dẫn dắt HS vào bài Ôn tập chương VI.

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tổng hợp lại kiến thức đã học của chương VI.**

**a) Mục tiêu:**

- HS nhắc lại và tổng hợp được các kiến thức đã học theo một sơ đồ.

**b) Nội dung:**

HS tổng hợp lại kiến thức dựa theo SGK và ghi chép trên lớp theo nhóm đã được phân công của buổi trước.

**c) Sản phẩm:** Sơ đồ của HS về chương số đã học.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**- GV mời đại diện từng nhóm lên trình bày về sơ đồ tư duy của nhóm.- GV có thể đặt các câu hỏi thêm về nội dung kiến thức:+ Một tỉ lệ thức có dạng như thế nào?+ Nhắc lại tính chất của tỉ lệ thức?+ Nhắc lại tính chất của dãy tỉ số bằng nhau?+ Nêu công thức biểu thị liên hệ tỉ lệ thận? + Nêu công thức biểu thị liên hệ tỉ lệ nghịch? **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** - HS tự phân công nhóm trưởng và nhiệm vụ phải làm để hoàn thành sơ đồ của bài ở nhà.- HS theo dõi, trả lời câu hỏi.- GV hỗ trợ, hướng dẫn thêm.**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** - Đại diện nhóm trình bày, các HS chú ý lắng nghe và cho ý kiến.- HS trả lời câu hỏi của GV.**Bước 4: Kết luận, nhận định:** - GV nhận xét các sơ đồ, nêu ra điểm tốt và chưa tốt, cần cải thiện. - GV chốt lại kiến thức của chương. | + $\frac{a}{b}$ = $\frac{c}{d}$+ $\frac{a}{b}$ = $\frac{c}{d}$ suy ra a.d = c.b+ a.d = c.b (a, b, c, d $\ne $ 0), ta có$\frac{a}{b}$ = $\frac{c}{d}$; $\frac{d}{b}$ = $\frac{c}{a}$; $\frac{a}{c}$ = $\frac{b}{d}$; $\frac{d}{c}$ = $\frac{b}{a}$;+ $\frac{a}{b}$ = $\frac{c}{d}= \frac{a+c }{b+d}= \frac{a-c}{b-d}$+ y = ax+ y = $\frac{a}{x}$ |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Học sinh củng cố lại kiến thức về tỉ lệ thức, dãy tỉ số bằng nhau, tính chất của tỉ lệ thức; dãy tỉ số bằng nhau.

**b) Nội dung:** HS vận dụng kiến thức làm Bài 6.33; 6.34; 6.35.

**c) Sản phẩm học tập:** HS lập được tỉ lệ thức từ các số đã cho, tính được thành phần chưa biết từ một tỉ lệ thức, viết được các tỉ lệ thức từ một tỉ lệ thức.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV tổng hợp các kiến thức cần ghi nhớ cho HS.

- GV tổ chức cho HS hoạt động theo nhóm đôi làm 6.33; 6.34; 6.35

 (SGK – tr 21 tập 2).

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS quan sát và chú ý lắng nghe, thảo luận nhóm 2, hoàn thành các bài tập GV yêu cầu.

- GV quan sát và hỗ trợ.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

Mỗi bài tập đại diện các nhóm trình bày. Các HS khác chú ý chữa bài, theo dõi nhận xét bài các nhóm trên bảng.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:**

- GV chữa bài, chốt đáp án, tuyên dương các hoạt động tốt, nhanh và chính xác.

- GV lưu ý các lỗi sai hay gặp.

**Kết quả:**

**Bài 6.33** (SGK – tr 21 tập 2). Ta có: 0,2 . 1,2 = 0,8 . 0,3, nên ta có các tỉ lệ thức:

$\frac{0,2}{0,3}=\frac{0,8}{1,2}$; $\frac{1,2}{0,3}=\frac{0,8}{0,2};$ $\frac{0,2}{0,8}=\frac{0,3}{1,2};$ $\frac{1,2}{0,8}=\frac{0,3}{0,2};$

**Bài 6.34** (SGK – tr 21 tập 2).

Từ $\frac{x}{2,5}=\frac{10}{15}$ suy ra $x=\frac{10∙2,5}{15}=\frac{5}{3}$, vậy $x=\frac{5}{3}$

**Bài 6.35** (SGK – tr 21 tập 2).

Từ tỉ lệ thức $\frac{a}{b}= \frac{c}{d}$ ta có đẳng thức a.d = c.b từ đó suy được các tỉ lệ thức khác tỉ lệ thức đã cho: $\frac{d}{b}=\frac{c}{a}$; $\frac{a}{c}=\frac{b}{d}$; $\frac{d}{c}=\frac{b}{a}∙$

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:**

- Học sinh thực hiện làm bài tập vận dụng để nắm vững kiến thức của chương VI.

**b) Nội dung:** HS sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập 6.37, 6.38 (SGK – tr 21 tập 2).

**c) Sản phẩm:** HS vận dụng kiến thức đã học giải quyết các bài tập có tính thực tế cuộc sống.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu HS hoạt động nhóm 4 hoàn thành bài tập 6.37, 6.38 (SGK – tr 21 tập 2).

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS tự phân công nhóm trưởng, hợp tác thảo luận đưa ra ý kiến.

- GV điều hành, quan sát, hỗ trợ.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- Bài tập: đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận, các nhóm khác theo dõi, đưa ý kiến.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, đánh giá, đưa ra đáp án đúng, chú ý các lỗi sai của học sinh hay mắc phải.

**Hướng dẫn lời giải và đáp án:**

**Bài 6.37**(SGK – tr 21 tập 2)

Theo đề bài số đo các góc $\hat{A}$, $\hat{B}$, $\hat{C}$ của tam giác tỉ lệ với 5; 6; 7 nên ta có

$\frac{\hat{A}}{5}=\frac{\hat{B}}{6}$=$\frac{\hat{C}}{7}$ và $\hat{A}$ + $\hat{B}$ +$\hat{C}$ = 1800

Áp dụng tính chất dãy tỉ số bằng nhau ta có: $\frac{\hat{A}}{5}=\frac{\hat{B}}{6}$ =$ \frac{ \hat{C}}{7}$ = $\frac{\hat{A} + \hat{B} +\hat{C}}{5+6+7}= \frac{180^{0}}{18}$ = 10

Suy ra $\hat{A}$ = 500; $\hat{B}=$ 600; $\hat{C}$ = 700. Vậy số đo ba góc A, B, C lần lượt là 500; 600; 700.

**Bài 6.38**(SGK – tr 21 tập 2)

(GV hướng dẫn bài tập này cho HS)

Gọi số công nhân đội thứ nhất, đội thứ hai, đội thứ ba lần lượt là x, y, z (người).

Do số công nhân và thời gian hoàn thành công việc là hai đại lượng tỉ lệ nghịch

Nên ta có 4.x = 5.y = 6.z, suy ra $\frac{4x}{60}= \frac{5y}{60}= \frac{6z}{60}$ hay $\frac{x}{15}= \frac{y}{12}= \frac{z}{10}$

Ngoài ra theo đề bài ta có x – y = 3, nên áp dụng tính chất dãy tỉ số bằng nhau ta có: $\frac{x}{15}= \frac{y}{12}= \frac{z}{10}$ = $\frac{x-y}{15-12}$ = $\frac{3}{3}=1$, suy ra x = 15; y = 12; z = 10.

Vậy số công nhân đội một, đội hai, đội ba lần lượt 15 người; 12 người; 10 người

**E. Tìm tòi và mở rộng:**

* Ôn lại các kiến thức trong chương VI;
* Hoàn thành bài tập **6.38**(SGK – tr 21 tập 2);
* Làm tieepf bài tập **6.38**(SGK – tr 21 tập 2);
* Chuẩn bị bài mới: “Biểu thức đại số”.